

Số: 1522/QĐ-UBND

Vân Canh, ngày 22 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 06/12/2019;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND huyện Vân Canh khóa IX, kỳ họp thứ 9 về việc dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Vân Canh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - KH huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020 (chi tiết biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao phòng Tài chính - KH phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện việc công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020 theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - KH huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính Bình Định;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND;
- CT, các PCT;
- CVP; Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT, TC.

CHỦ TỊCH



Sô Y Lữ



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN CANH

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1522/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	320.958	426.147,403	132,77%	162,04%
I	Thu cân đối NSNN	70.000	33.957,558	48,51%	63,90%
1	Thu nội địa	70.000	33.957,558	48,51%	63,90%
2	Thu viện trợ		-		
II	Thu chuyển nguồn	105.000	104.048,351	99,09%	230,24%
III	Các khoản thu không thường xuyên	535	535,000	100,00%	43,48%
IV	Các khoản thu không có trong công thức		-		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	145.423	274.865,189	189,01%	183,02%
III	Tạm thu ngân sách	0	12.741,305	-	100,00%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	307.875	193.752,847	62,93%	113,25%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	210.469	145.230,967	69,00%	100,15%
1	Chi đầu tư phát triển	15.250	38.228,989	250,68%	81,43%
2	Chi thường xuyên	159.498	107.001,978	67,09%	109,10%
3	Dự phòng ngân sách	3.219	-	-	
4	Chi bổ sung cho Ngân sách cấp dưới	32.502	45.609,155		180,96%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	97.406			
III	Tạm chi chưa đưa vào cân đối ngân sách		2.912,725		337,20%

Vân



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN CANH**

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1522/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	70.000	33.957,558	48,51%	108,66%
I	Thu nội địa	70.000	33.957,558	48,51%	63,90%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp NN quốc doanh		145,872		103,72%
-	Thuế giá trị gia tăng		129,894		104,23%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		13,503		95,83%
-	Thuế Tài nguyên		2,475		128,84%
-	Thu khác				
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	54.120	25.946,193	47,94%	57,22%
-	Thuế giá trị gia tăng	51.600	24.966,753	48,39%	57,17%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.320	481,201	36,45%	68,70%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		14,570		45,99%
-	Thuế Tài nguyên	1.200	483,669	40,31%	51,13%
3	Lệ phí trước bạ	4.300	2.874,461	66,85%	94,43%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.300	1.518,180	116,78%	168,92%
5	Thu phí, lệ phí	680	497,849	73,21%	88,97%
	Thuế đất phi nông nghiệp		33,659		
6	Thu tiền sử dụng đất	7.000	613,941	8,77%	49,68%
7	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1.200	214,285	17,86%	35,20%
8	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		34,000		41,87%
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển		113,101		162,97%
11	Thu khác ngân sách	1.400	1.966,017	140,43%	160,01%
II	Thu viện trợ				
B	CÁC KHOẢN THU KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	535	535,000	100,00%	43,48%
-	Khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng		500,000		46,51%
-	Khác		35,000		22,51%
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	145.423	274.865,189	189,01%	267,28%
-	Bổ sung có mục tiêu	34.798	164.637,839	473,12%	172,31%
-	Bổ sung cân đối	110.625	110,227	99,64%	2,017,34
D	THU CHUYỂN NGUỒN	105.000	104.048,351		230,24%
E	CÁC KHOẢN THU KHÔNG CÓ TRONG CÔNG THỨC				
F	TAM THU NGÂN SÁCH		12.741,305		100,00%

Van



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VAN CANH**

Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1522/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B+C+D)	307.875,313	193.752,847	62,93%	113,25%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	275.373,313	145.230,967	52,74%	100,15%
I	Chi đầu tư phát triển	107.720,313	38.228,989	35,49%	81,43%
1	Nguồn vốn tinh phân cấp	10.250	2.581,713	25,19%	
2	Nguồn sử dụng đất	5.000	993,000	19,86%	
3	Các nguồn kinh phí không giao trong DT đầu năm	92.470,313	34.654,276	37,48%	
II	Chi thường xuyên	164.434	107.001,978	65,07%	109,10%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi quốc phòng	800	1.103,560	137,95%	52,45%
2	Chi an ninh	400	395,500	98,88%	123,59%
3	Chi GD-ĐT và dạy nghề	104.287	62.064,523	59,51%	99,13%
4	Chi khoa học và công nghệ	160	40,588	25,37%	92,91%
5	Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin	425	376,015	88,47%	54,11%
6	Chi sự nghiệp phát thanh-truyền hình	902	713,236	79,07%	112,56%
7	Chi sự nghiệp Thể dục-Thể Thao	248	167,691	67,62%	77,28%
8	Chi y tế, dân số và gia đình	0	563,689		162,21%
9	Chi đảm bảo xã hội	3.600	5.435,365	150,98%	97,83%
10	Chi sự nghiệp kinh tế	4.200	10.616,623	252,78%	198,46%
11	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	27.129	24.602,637	90,69%	123,37%
12	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	1.500	857,579	57,17%	490,94%
13	Chi bảo vệ môi trường	372	64,972	17,47%	82,73%
14	Chi từ nguồn tinh bổ sung mục tiêu	20.411			
III	Dự phòng chi	3.219			
B	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN				
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	32.502	45.609,155	140,33%	180,96%
1	Bổ sung cân đối		20.227,350		135,39%
2	Bổ sung có mục tiêu		25.381,805		247,29%
D	TẠM CHI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH		2.912,725		337,20%

Vân